TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2025/KDTM-ST
Ngày 13 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp giữa Công ty với thành viên của Công ty

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa, bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/12/2024 và 13/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp giữa Công ty với thành viên của Công ty"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Bùi Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Địa chỉ: Số nhà C, Chung cư N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa *(vắng mặt)*.

- Ông Võ Xuân H, chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số A đường số E, phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt ngày 13/01/2025)*.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Khánh H1, sinh năm 1979 và ông Trần M, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: E P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Kim C, thuộc Công ty L2 – chi nhánh K1, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: E P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Anh Q, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt ngày 13/01/2025)*.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1992; Địa chỉ: H H, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk *(có mặt ngày 11/12/2024)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – chi nhánh Đ; Địa chỉ: C H, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Nguyễn Việt T1, chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ; Địa chỉ: Tầng C, số A L, phường H, Quận H, Thành phố Đà Nẵng *(vắng mặt).*

- Ông Nguyễn Lê Anh K, chức vụ: Chuyên viên tố tụng; Địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Tháng 7/2022, trong thời gian tìm kiếm cơ hội đầu tư, ông T và ông H được biết ông Q đang hoạt động kinh doanh tại Nhà máy sản xuất dăm gỗ Hưởng T, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T và ông H đã bàn bạc và thống nhất việc hợp tác sản xuất kinh doanh bằng hình thức góp vốn vào Công ty TNHH H2 (sau đây gọi tắt là Công ty, Công ty H2). Cùng ngày 21/9/2022, các bên đã ký kết các văn bản sau:

- Thỏa thuận nguyên tắc số 01/TTNT/HTL ngày 21/9/2022 về việc hợp tác, góp vốn trong Công ty TNHH H2.

- Bản cam kết ngày 21/9/2022 về việc thỏa thuận hợp tác và cam kết trong Công ty TNHH H2

- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty TNHH H2.

Theo đó, tỷ lệ góp vốn của các bên như sau: Ông Bùi Văn T có tỷ lệ vốn góp 56%, tương đương 8.400.000.000 đồng; ông Võ Xuân H có tỷ lệ vốn góp 18%, tương đương 2.700.000.000 đồng; ông Đỗ Anh Q có tỷ lệ vốn góp 26%, tương đương 3.900.000.000 đồng.

Thời điểm thỏa thuận chuyển nhượng phần vốn góp thì các bên đã xác định các tài sản cố định hiện hữu của Công ty TNHH H2 và thống nhất tổng giá trị của những tài sản này là **15.148.425.288 đồng** (bao gồm: đất đai, máy móc thiết bị, công trình xây dựng). Trong phần các công trình xây dựng thì có một số công trình được xây dựng trên các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730 mang tên cá nhân ông Đỗ Anh Q với tổng giá trị là **1.929.295.000 đồng**. Do có các tài sản của Công ty được xây dựng trên thửa đất cá nhân của ông Q nhưng giữa Công ty (thời điểm ông Q còn là đại diện theo pháp luật) với cá nhân ông Q không có bất kỳ hợp đồng thuê đất, thỏa thuận hợp tác hay văn bản nào thể hiện ông Q đồng ý cho Công ty H2 xây dựng công trình trên đất cá nhân của mình. Vì vậy, tại Bản cam kết ngày 21/9/2022, Điều 1.2 có ghi rõ *"Bên A* (ông Đỗ Anh Q) *cam kết bổ sung*

tài sản trên đất theo giấy phép xây dựng số 42/GPXD do UBND huyện M cấp ngày 28/6/2019 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766100, thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 41 tại địa chỉ xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk".

Và Điều 1.3 ghi rõ *"Bên A* (ông Đỗ Anh Q) *cam kết chuyển nhượng phần diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 4 (bốn) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730 mang tên cá nhân của ông Đỗ Anh Q) sang cho Công ty TNHH H2 và hoàn thiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất (từ đất nông nghiệp thành đất sản xuất kinh doanh). Sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì Công ty TNHH H2 chịu trách nhiệm đóng tiền thuế đất. Thời hạn ngày 10/10/2022 bên A* (ông Đỗ Anh Q) *hoàn tất thủ tục có giấy tiếp nhận hồ sơ"*.

Trong khi các tài sản của Công ty nằm trên quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Anh Q có giá trị 1.929.295.302 đồng đã được ông T và ông H thanh toán đầy đủ nhưng cho đến nay ông Q luôn tìm lý do để trì hoãn, không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc làm của ông Q ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư và kế hoạch sản xuất của Công ty.

Ngoài ra, Bản cam kết ngày 21/9/2022, điều 1.5 có ghi rõ: *"Trong quá trình hoạt động Công ty TNHH H2 trước đây, Bên A* (ông Đỗ Anh Q) *đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766100 (thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 41 tại địa chỉ xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk) và 02 xe xúc lật QILUHE ZHONG tại Ngân hàng M1. Bên A* (ông Đỗ Anh Q) *có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ với Ngân hàng mà bên A* (ông Đỗ Anh Q) *làm hồ sơ vay để bàn giao lại tài sản này cho công ty, phục vụ công tác sản xuất kinh doanh"*.

Về vấn đề lấy tài sản về bàn giao cho Công ty, ông Q cũng vi phạm cam kết, sau nhiều lần yêu cầu, ông Q đề nghị Công ty đứng ra bảo lãnh trả khoản nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng M1 với số tiền 907.397.099 đồng, đồng thời ông Q cam kết sẽ thanh toán và xử lý dứt điểm khoản nợ này trước ngày 31/3/2023 nhưng đến nay ông Q vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Công ty H2 khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Q phải trả lại cho Công ty H2 Lộc số tiền **2.836.692.401 đồng**, trong đó có:

- Số tiền 1.929.295.302 đồng Công ty đã chi trả những tài sản trên các thửa đất cá nhân của ông Đỗ Anh Q nhưng ông Q không hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng đất theo cam kết.

- Số tiền 907.397.099 đồng Công ty đã bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng M1 chi nhánh Đ.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc trừ vào phần vốn góp của ông Đỗ Anh Q tại Công ty H2.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/3/2024, Công ty H2 trình bày: Việc ông Q cam kết chuyển nhượng phần diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730 mang tên cá nhân ông Đỗ Anh Q) sang cho Công ty H2 và hoàn thiện thủ

tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất (từ đất nông nghiệp thành đất sản xuất kinh doanh) là để đảm bảo các tài sản của Công ty được xây dựng trên đất ông Q sẽ không phụ thuộc vào cá nhân ông Q, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho quyền lợi của các thành viên góp vốn vào Công ty và đây là một trong những điều kiện để ông T và ông H đồng ý hợp tác, nhận chuyển nhượng 74% giá trị phần vốn góp tại Công ty.

Vì vậy, Công ty H2 khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đỗ Anh Q phải thực hiện thỏa thuận trong Bản cam kết ngày 21/9/2022, phải chuyển nhượng diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730, đứng tên ông Đỗ Anh Q cho Công ty TNHH H2.

- Trường hợp ông Đỗ Anh Q không đồng ý chuyển nhượng diện tích đất trên thì buộc ông Q phải trả lại cho Công ty số tiền 1.929.295.302 đồng Công ty đã chi trả tài sản trên các thửa đất cá nhân của ông Q.

- Buộc ông Đỗ Anh Q trả cho Công ty số tiền 907.397.099 đồng Công ty đã bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng M1 – Chi nhánh Đ.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc trừ vào phần vốn góp của ông Đỗ Anh Q tại Công ty TNHH H2.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 31/5/2024, Công ty H2 không yêu cầu ông Q chuyển nhượng thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 408729 đứng tên ông Đỗ Anh Q vì nằm ngoài ranh giới phần đất Công ty đang quản lý, sử dụng.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Anh Q và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công ty TNHH H2 do ông Q làm chủ sở hữu. Tháng 7/2022, ông Võ Xuân H và ông Bùi Xuân T2 đến khảo sát và muốn đầu tư góp vốn hợp tác để phát triển Công ty H2, được ông Q đồng ý. Ngày 26/7/2022, các bên đã ký kết các thỏa thuận hợp tác về việc góp vốn và phát triển Công ty H2. Theo đó, ông Q đã chuyển nhượng 74% vốn góp của Công ty cho ông Võ Xuân H (18%) và ông Bùi Xuân T2 (56%). Ba bên thống nhất ký kết các văn bản thỏa thuận hợp tác kinh doanh với nhau. Sau đó Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý theo đúng quy định pháp luật, bàn giao cơ sở nhà xưởng cùng với đầy đủ trang thiết bị máy móc và thực trạng, hiện trạng tổng diện tích đất của Công ty H2 cho ông H và ông T2 quản lý.

Việc Công ty H2 khởi kiện thì ông Q có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu buộc ông Q phải chuyển nhượng diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408730, BT 408731, BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q cho Công ty TNHH H2. Trường hợp không chuyển nhượng thì phải trả số tiền 1.929.295.302 đồng là giá trị tài sản của Công ty trên các thửa đất cá nhân của ông Q mà Công ty đã chi trả.

Theo các cam kết trước khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì ông Q có trách nhiệm chuyển nhượng diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 04 GCNQSD đất là số BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730 mang tên cá nhân ông Đỗ Anh Q sang cho Công ty H2, vì thời điểm này ông Q đang thế chấp các GCN tại Ngân hàng M1 Chi nhánh Đ. Sau đó vì ông T2 và ông H chậm thực hiện góp vốn, đến cuối tháng 12/2022 ông T2 và ông H mới thanh toán giá trị vốn góp cho ông Q nên ông Q mới trả nợ cho Ngân hàng để lấy các GCNQSD đất ra. Tuy nhiên, ông Q chưa kịp làm thủ tục chuyển nhượng cho Công ty thì lại bị Cơ quan thi hành án dân sự huyện M ngăn chặn để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho người khác. Hiện nay GCNQSD đất số BT 408730, BT 408731, BT 408732 mang tên cá nhân ông Đỗ Anh Q đã được ông Q xoá thế chấp tại Ngân hàng M1 Chi nhánh Đ nhưng chưa đăng ký xoá thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Còn GCNQSD đất số BT 408729 là do UBND huyện M cấp nhầm lẫn cho ông Q, tài sản của Công ty cũng không nằm trên thửa đất này nên ông Q không có tranh chấp gì. Ông Q xác định một phần tài sản của Công ty chỉ nằm trên thửa đất số 66, tờ bản đồ 52, diện tích 14277,5m^2 theo GCNQSD đất số BT 408731 mà không nằm trên các thửa đất khác. Vì vậy, tại cuộc họp Công ty ngày 07/4/2023, giữa ông T2, ông H và ông Q mới có sự thoả thuận là ông Q sẽ tiếp tục quản lý các thửa đất trên và phải thanh toán lại giá trị các tài sản định hình của Công ty trên thửa đất này là **1.929.295.302 đồng**.

2. Đối với số tiền Công ty H2 bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng M1 Chi nhánh Đ là 907.397.099 đồng. Vì đây là các khoản nợ ông Q đã vay trước thời điểm chuyển nhượng góp vốn nên ông Q sẽ có trách nhiệm trả theo lộ trình Công ty đã cam kết. Khi nào Ngân hàng yêu cầu trả thì ông Q sẽ trả cho Công ty để Công ty trả nợ cho Ngân hàng, việc Công ty yêu cầu ông Q trả một lúc như vậy là không thể thực hiện được.

3. Ông Q chỉ đồng ý các yêu cầu khởi kiện của Công ty H2 khi Công ty (cụ thể là ông T2 và ông H) đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Trường hợp ông Q chuyển nhượng 03 thửa đất đứng tên cá nhân ông Q cho Công ty thì phải theo giá thoả thuận thị trường hiện nay là 2.500.000.000 đồng, đã bao gồm tài sản trên đất là 07 lò sấy của ông Q, thời điểm chuyển nhượng là sau khi 03 thửa đất trên không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn.

- Trường hợp trả bằng tiền thì ông Q đề nghị ông T2 và ông H phải thanh toán cho ông Q tổng số tiền 2.228.000.000 đồng (trong đó: Tiền góp cổ phần còn thiếu là 148.000.000 đồng; Tiền tài sản vô hình: 1.500.000.000 đồng theo Thoả thuận nguyên tắc ngày 21/9/2022; Tiền chuyển nhượng 1.000m^2 đất Công ty mà ông H và ông T2 đang giữ lại từ ngày 21/9/2022 đến nay là 580.000.000 đồng).

- Chấp thuận mua lại hệ thống bộ máy cưa xẻ gỗ để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh (tài sản ngành nghề chính của Công ty) với giá theo định giá trước đó và được ghi nhận trong Biên bản cuộc họp ngày 07/4/2023 là 811.668.000 đồng;

- Giải trình làm rõ việc trong 08 tháng đầu hai ông điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến Công ty làm ăn thua lỗ, vì nhiều chi phí ông Q cho rằng là chi khống, không hợp lý với số tiền mà Công ty chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến thua lỗ 1.809.924.693 đồng.

- Giải trình báo cáo hoạt động tài chính nội bộ và nghĩa vụ thuế với Nhà nước tính đến hết quý 01 năm 2024 để làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc hơn 01 năm nay Công ty dừng hoạt động. Bởi điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông Q, vì 26% phần vốn góp của ông Q tại Công ty L3 không thể sinh lời mà còn thua lỗ do Công ty dừng hoạt động. Trường hợp không phải nguyên nhân khách quan thì hai ông phải bồi thường thiệt hại mà hai ông điều hành Công ty gây ra cho ông Q.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q1 trình bày:

Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh Đ với Công ty TNHH H2 đã cùng ký kết các Hợp đồng cho vay số: 46244.18.341.4114233.TD ngày 21/12/2018 và số: 38182.19.341.4114233.TD ngày 20/9/2019 với tổng số tiền vay là 3.420.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty H2 đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 41, diện tích 14.480m^2 tại xã E, huyện M đã được cấp cho Công ty TNHH S và chuyển nhượng cho Công ty H2 ngày 24/10/2018; 03 máy xúc lật bánh lốp; 01 tải có cần cẩu.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ thanh toán, Công ty H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ tháng 01/2020 dẫn đến phát sinh nợ xấu theo quy định của Ngân hàng N. Qua nhiều lần làm việc để tìm biện pháp thanh toán khoản nợ, đến tháng 3/2023 phía Công ty H2 đã thanh toán toàn bộ khoản dư nợ gốc cho Ngân hàng và đã được Ngân hàng giải chấp toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay. Hiện Công ty H2 đang còn nợ số tiền lãi tại Ngân hàng là: 907.397.099 đồng.

Do khoản vay của Công ty H2 đã thanh toán hết nợ gốc và các tài sản thế chấp đã được Ngân hàng giải chấp hết cho phía Công ty, còn nội dung tranh chấp mà các bên đang đề nghị Tòa án giải quyết là thuộc phạm vi nội bộ của các thành viên công ty nên Ngân hàng không có ý kiến về nội dung trên và đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần dư nợ lãi còn lại của Công ty, Ngân hàng sẽ xử lý khởi kiện trong một vụ án tranh chấp dân sự khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc ông Đỗ Anh Q trả cho Công ty số tiền 307.397.099 đồng hạn trả năm 2025 để Công ty trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

* Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Đỗ Anh Q phải trả cho Công ty TNHH H2 số tiền **1.929.295.302 đồng** là giá trị các tài sản của Công ty TNHH H2 toạ lạc trên các thửa đất số 23, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408730; thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408731; thửa đất số 71, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q.

Ông Đỗ Anh Q được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên sau khi thanh toán cho Công ty TNHH H2.

- Buộc ông Đỗ Anh Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H2 số tiền 600.000.000 đồng để Công ty trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H2 về việc: Buộc ông Đỗ Anh Q phải chuyển nhượng cho Công ty TNHH H2 diện tích đất thuộc các thửa đất số 23, 66 và 71, tờ bản đồ số 52 đứng tên ông Đỗ Anh Q.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H2 về việc: Buộc ông Đỗ Anh Q trả cho Công ty số tiền 307.397.099 đồng hạn trả năm 2025 để Công ty trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 và buộc ông Q chuyển nhượng cho Công ty TNHH H2 diện tích đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408729.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH H2 khởi kiện ông Đỗ Anh Q là thành viên Công ty H2 để yêu cầu ông Q thực hiện các thỏa thuận trong bản cam kết ngày 21/9/2022 (thời điểm trước khi ông Q chuyển nhượng phần vốn góp cho ông H và ông T2) bao gồm:

- Chuyển nhượng diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408730, BT 408731, BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q cho Công ty H2. Trường hợp ông Q không đồng ý chuyển nhượng diện tích đất trên thì buộc ông Q phải trả lại cho Công ty số tiền 1.929.295.302 đồng mà Công ty đã chi trả các tài sản xây dựng trên các thửa đất do cá nhân ông Q đứng tên.

- Buộc ông Q trả cho Công ty số tiền 907.397.099 đồng Công ty đã bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc trừ vào phần vốn góp của ông Đỗ Anh Q tại Công ty H2.

Do đó, quan hệ pháp luật được xác định lại là *"Tranh chấp giữa Công ty*

với thành viên của Công ty" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Anh Q:

Ngày 30/5/2024, bị đơn ông Đỗ Anh Q có đơn phản tố yêu cầu những nội dung sau:

- Buộc ông Võ Xuân H và ông Bùi Xuân T2 hoàn trả lại cho ông Q tổng số tiền: 2.228.000.000 đồng, trong đó:

+ Tiền góp cổ phần còn thiếu là 148.000.000 đồng;

+ Tiền tài sản vô hình: 1.500.000.000 đồng theo Thoả thuận nguyên tắc ngày 21/9/2022;

+ Tiền chuyển nhượng bàn giao 1.000m^2 đất Công ty mà ông H và ông T2 đang giữ lại từ ngày 21/9/2022 đến nay là 580.000.000 đồng).

Ông Q đồng ý cấn trừ số tiền này vào số tiền ông Q còn nợ lại Công ty là 1.929.295.302 đồng và số tiền 300.000.000 đồng (kỳ thanh toán năm 2023) nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng M3.

- Buộc ông H và ông T2 phải mua lại hệ thống bộ máy cưa xẻ gỗ để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh (tài sản ngành nghề chính của Công ty) với giá theo định giá trước đó và được ghi nhận trong Biên bản cuộc họp ngày 07/4/2023 là 811.668.000 đồng.

Tổng cộng sau khi trừ đi các nghĩa vụ của ông Q với Công ty H2 thì Công ty còn phải hoàn trả lại cho Q số tiền 810.372.698 đồng, cụ thể: 2.228.000.000 đồng - 1.929.295.302 đồng - 300.000.000 đồng + 811.668.000 đồng = **810.372.698 đồng**.

- Buộc ông H và ông T2 phải giải trình làm rõ nguyên nhân trong 08 tháng đầu dưới sự điều hành của hai ông Công ty lại làm ăn thua lỗ đến 1.809.924.693 đồng. Trường hợp hai ông vi phạm trong việc thu chi thì hai ông phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền vi phạm đó vào vốn hiện tại của Công ty. Đồng thời, yêu cầu ông H và ông T2 phải giải trình báo cáo hoạt động tài chính nội bộ và những nghĩa vụ thuế với nhà nước tính đến hết quý 01 năm 2024.

Xét quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã được tiếp cận các chứng cứ do Tòa án thu thập, được giải thích đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 2 ngày 24/5/2024, thì đến ngày 30/5/2024, bị đơn mới có yêu cầu phản tố là đã quá thời hạn được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải";* hơn nữa, các yêu cầu của ông Q chủ yếu là tranh chấp với cá nhân ông T2 và ông H. Do đó Tòa án không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố

trên của bị đơn mà chỉ xem xét ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H2:

[3.1] Xét yêu cầu về việc buộc ông Đỗ Anh Q phải chuyển nhượng diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408730, BT 408731, BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q cho Công ty TNHH H2 thấy rằng:

Ngày 21/9/2022, ông Bùi Văn T, ông Võ Xuân H và ông Đỗ Anh Q thỏa thuận và ký kết các văn bản: Thỏa thuận nguyên tắc, Bản cam kết về việc thỏa thuận hợp tác và cam kết trong Công ty TNHH H2, Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01 và 02/2022/HĐCN/HTL. Theo đó, các bên thống nhất góp vốn vào Công ty H2 với tỷ lệ góp vốn như sau: Ông Bùi Văn T 56%, ông Võ Xuân H 18% và ông Đỗ Anh Q 26%. Giá trị tài sản hiện hữu của Công ty là 15.148.425.288 đồng, trong đó đất đai 7.818.400.000 đồng, máy móc thiết bị 2.402.600.000 đồng, công trình xây dựng 4.927.425.288 đồng. Như vậy, số tiền mỗi bên góp vốn là ông T 8.483.118.161 đồng, ông H 2.726.716.552 đồng, ông Q 3.938.590.575 đồng. Ông T, ông H sẽ góp vốn bằng tiền mặt vào Công ty. Tại Điều 1.3 Bản cam kết ngày 21/9/2024 có nội dung: *"Bên A* (ông Q) *cam kết chuyển nhượng phần diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BT 408731, BT 408729, BT 408732, BT 408730 mang tên cá nhân của ông Đỗ Anh Q) sang cho Công ty H2 và hoàn thiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất (từ đất nông nghiệp thành đất sản xuất kinh doanh)…Thời hạn ngày 10/10/2022 bên A* (ông Q) *hoàn tất thủ tục có giấy tiếp nhận hồ sơ".*

Lý do có thỏa thuận này được hai bên xác định là: Trước đây Công ty H2 do ông Q là chủ sở hữu, ngoài việc xây dựng cơ sở vật chất của Công ty trên thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 41 tại xã E, huyện M (đứng tên Công ty) thì có một số tài sản của Công ty được xây dựng trên đất đứng tên cá nhân của ông Q. Do đó để hợp thức hóa tài sản của Công ty, các bên thỏa thuận ông Q sẽ chuyển nhượng cho Công ty H2 diện tích khoảng 12.000m^2 thuộc: thửa đất số 18, tờ bản đồ số 52, diện tích 3.841m^2 theo GCNQSD đất số BT 408729; thửa đất số 23, tờ bản đồ số 52, diện tích 3.652,5m^2 theo GCNQSD đất số BT 408730; thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52, diện tích 14.277,5m^2 theo GCNQSD đất số BT 408731; thửa đất số 71, tờ bản đồ số 52, diện tích 1.314,7m^2 theo GCNQSD đất số BT 408732. Tuy nhiên, đến nay ông Q vẫn không thực hiện thỏa thuận này nên Công ty khởi kiện buộc ông Q chuyển nhượng 03 quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số BT 408730, BT 408731, BT 408732; riêng GCNQSD đất số BT 408729 nguyên đơn đã rút yêu cầu, bị đơn không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Xét, thời điểm các bên lập Bản cam kết thì các GCNQSD đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q1 – chi nhánh Đ từ năm 2018 để đảm bảo cho các khoản vay của cá nhân ông Đỗ Anh Q, các bên đều biết rõ nội dung này, nhưng đến ngày 14/10/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã ban hành Quyết

định số 01/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của ông Đỗ Anh Q đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 408730, BT 408731, BT 408732 (BL 426), do đó, ông Q không thể thực hiện được việc chuyển nhượng đất cho Công ty H2. Xét thấy, các bên mới chỉ dừng lại ở việc thoả thuận ông Q sẽ chuyển nhượng đất mà chưa ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất, chưa xác định diện tích, giá trị chuyển nhượng, 03 thửa đất trên cũng không thuộc tài sản cố định của Công ty, không phải là tài sản góp vốn của ông Q, hiện nay không thể chuyển nhượng được do bị ngăn chặn để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Q với người khác. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty H2 buộc ông Q phải thực hiện cam kết chuyển nhượng 03 thửa đất trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của Công ty H2 trong trường hợp ông Q không chuyển nhượng đất cho Công ty thì buộc ông Q phải trả lại số tiền 1.929.295.302 đồng Công ty đã chi trả những tài sản trên các thửa đất cá nhân của ông Q:

Tại biên bản cuộc họp ngày 07/4/2023 giữa các thành viên của Công ty H2 (BL 01-11) có ghi nhận nội dung: *"Trường hợp ông Q không thực hiện được việc chuyển nhượng QSD đất từ cá nhân sang Công ty H2 thì Công ty sẽ giữ nguyên diện tích đất SKC 14.480m^2 (đồng thời chi trả cho ông Q 580.000.000 đồng tương ứng với 1000m^2). Ông Q tiếp tục quản lý và sử dụng đất cá nhân, đồng thời có trách nhiệm trả lại cho Công ty H2 số tiền là 1.929.295.302 đồng".* Kèm theo biên bản cuộc họp này là danh mục định giá các tài sản của Công ty gồm: nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà ở công nhân, nhà kho, mái che nhà khách, mái che nhà ăn, nhà xưởng 1, sân bê tông nhà xưởng 2, tường rào, bờ kè, sân bê tông, 02 giếng khoan, chi phí san lấp, chi phí đá cấp phối và lu nền san ủi có tổng giá trị 1.929.295.302 đồng. Đây là tài sản hiện hữu của Công ty H2, đã được các bên xác định giá trị tại thời điểm chuyển nhượng phần vốn góp, ông T và ông H đã tiến hành góp vốn bằng tiền mặt vào Công ty theo giá trị các bên thoả thuận, nay ông Q không chuyển nhượng đất mà tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất, trên đất có tài sản cố định của Công ty không thể di dời được nên để đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty, cần buộc ông Q thanh toán giá trị các tài sản này cho Công ty là phù hợp. Quá trình tham gia tố tụng ông Q đồng ý thanh toán giá trị tài sản trên đất nhưng yêu cầu phải khấu trừ số tiền mà Công ty có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông, tuy nhiên yêu cầu phản tố của ông Q không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của ông Q. Sau khi ông Q thanh toán lại giá trị tài sản cho Công ty, giao cho ông Q được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/01/2025 và đo đạc kỹ thuật của Công ty TNHH D chi nhánh Đ thể hiện: trên 03 thửa đất số 66, 23, 71 tờ bản đồ số 52 có các tài sản của Công ty H2 gồm: nhà khách diện tích 139,1m^2, nhà ăn diện tích 120,3m^2, nhà bếp diện tích 47,1m^2, nhà ở công nhân diện tích 296,7m^2, 02 nhà kho (diện tích 86,9m^2 và 25,9m^2), mái che nhà khách diện tích 47,3m^2, mái che nhà ăn diện tích 73,5m^2, một phần nhà xưởng số 1 diện tích 247,5m^2 (một phần nằm trên thửa đất số 18A của Công ty), nhà xưởng 2 diện tích

720,9m^2, tường rào xây gạch dài 84,88m và tường rào lưới B40 dài 303,49m, bờ kè diện tích 198,1m^2, sân bê tông diện tích 4.835m^2, 02 giếng khoan, 07 gian nhà làm lò sấy diện tích 374m^2, diện tích đất được múc đào, san lấp làm ao chứa nước là 3.018,4m^2. Hiện tại các tài sản này do Công ty H2 quản lý, sử dụng nhưng Công ty đang ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối chiếu với danh mục tài sản đã được các bên thoả thuận thời điểm nhận chuyển nhượng phần vốn góp thì diện tích mỗi tài sản có sự chênh lệch, có thêm nhà xưởng 2 (tại phiên toà nguyên đơn xác định tài sản của Công ty là sân bê tông của nhà xưởng, còn nhà xưởng là tài sản của cá nhân ông Q). Xét các bên không tranh chấp với nhau về giá cũng như tài sản trên đất, trên cơ sở tài sản tại thời điểm nhận chuyển nhượng phần vốn góp các bên đã thoả thuận lại giá trị tài sản trên và buộc ông Q thanh toán tương ứng bằng tiền cho Công ty là 1.929.295.302 đồng (tài sản giữa hai lần thoả thuận này là phù hợp với nhau). Do đó sự chênh lệch hay thay đổi về tài sản trên đất trong quá trình Công ty sử dụng không làm thay đổi số tiền mà ông Q phải thanh toán cho Công ty.

Đối với nội dung Công ty yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hoặc trừ vào phần vốn góp của ông Đỗ Anh Q tại Công ty TNHH H2, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Q thanh toán bằng tiền, vì giữa các bên không có thoả thuận nào về việc khấu trừ nghĩa vụ vào phần vốn góp, tại phiên toà các bên không thống nhất được với nhau về giá trị phần vốn góp hiện nay nên không có cơ sở để khấu trừ.

[3.3]. Về yêu cầu khởi kiện buộc ông Q trả lại cho Công ty H2 số tiền 907.397.099 đồng mà Công ty đã bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng M1 – Chi nhánh Đ:

Xét, trước khi các bên thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp thì Công ty H2 do ông Đỗ Anh Q là người đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng cho vay với Ngân hàng TMCP Q1 – chi nhánh Đ để vay vốn và thế chấp các tài sản của Công ty là quyền sử dụng đất thửa đất số 18A, tờ bản đồ số 41 theo GCNQSD đất số BE 766100 và 03 máy xúc lật bánh lốp, 01 tải có cần cẩu. Do đó tại Điều 1.5 Bản cam kết ngày 21/9/2022 các bên mới thỏa thuận ông Q có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ với Ngân hàng mà ông Q làm hồ sơ vay để bàn giao lại tài sản này cho Công ty, phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tại Văn bản cam kết ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH H2 về việc cam kết lộ trình trả nợ sau khi giải chấp tài sản bảo đảm tại M4 (BL 31) thì đối với phần dư nợ còn lại tại M4 là 907.397.099 đồng, Công ty sẽ trả theo lộ trình: năm 2023 trả 300.000.000 đồng, năm 2024 trả 300.000.000 đồng, năm 2025 trả 307.397.099 đồng. Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Q1 – chi nhánh Đ xác định Công ty TNHH H2 còn nợ khoản tiền lãi 907.397.099 đồng và chấp thuận theo cam kết trả nợ của Công ty nhưng đến nay Công ty chưa thực hiện đúng theo cam kết. Tại Điều 1 Điều lệ Công ty TNHH H2 (BL 280) quy định: *"Mỗi thành viên tham gia góp vốn bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, được chia lợi nhuận và chịu lỗ tương ứng theo tỷ lệ phần vốn góp vào Công ty, chịu trách*

nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty".

Như vậy, về mặt pháp lý, khoản nợ trên thuộc trách nhiệm của Công ty H2. Tuy nhiên, trước khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì ông Q đã cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ này. Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Q trả cho Công ty khoản tiền Công ty đã cam kết trả cho Ngân hàng theo lộ trình năm 2025 là 307.397.099 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ; còn ông Q chấp nhận trả các khoản nợ đã đến hạn Công ty cam kết với Ngân hàng là 300.000.000 đồng năm 2023 và 300.000.000 đồng năm 2024. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên, buộc ông Q trả cho Công ty H2 600.000.000 đồng để Công ty trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty H2 về việc buộc ông Đỗ Anh Q trả cho Công ty số tiền 1.929.295.302 đồng là giá trị tài sản của Công ty trên các thửa đất cá nhân của ông Q; buộc ông Q trả lại cho Công ty số tiền 600.000.000 đồng để Công ty trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh Đ; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H2 về việc buộc ông Q chuyển nhượng cho Công ty diện tích đất khoảng 12.000m^2 thuộc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 408730, BT 408731, BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc buộc ông Q trả số tiền 307.397.099 đồng năm 2025để trả nợ Ngân hàng và yêu cầu buộc ông Q phải chuyển nhượng diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 408729.

[5] Về chi phí tố tụng: Công ty H2 và ông Đỗ Anh Q mỗi bên phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc kỹ thuật là 16.400.000 đồng, mỗi bên chịu 8.200.000 đồng. Công ty H2 được khấu trừ trong số tiền đã nộp tạm ứng và được nhận lại số tiền 8.200.000 đồng sau khi thu được của ông Q.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 3.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 82.586.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 49, Điều 50 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 87 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H2:

- Buộc ông Đỗ Anh Q phải trả cho Công ty TNHH H2 số tiền **1.929.295.302 đồng** là giá trị các tài sản của Công ty TNHH H2 gồm: nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà ở công nhân, nhà kho, mái che nhà khách, mái che nhà ăn, một phần nhà xưởng 1, sân bê tông nhà xưởng 2, tường rào, bờ kè, sân bê tông, 02 giếng khoan, chi phí san lấp, chi phí đá cấp phối và lu nền san ủi toạ lạc trên các thửa đất số 23, tờ bản đồ số 52, diện tích 3.652,5m^2 theo GCNQSD đất số BT 408730; thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52, diện tích 14.277,5m^2 theo GCNQSD đất số BT 408731; thửa đất số 71, tờ bản đồ số 52, diện tích 1.314,7m^2 theo GCNQSD đất số BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q.

Ông Đỗ Anh Q được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên sau khi thanh toán cho Công ty TNHH H2.

- Buộc ông Đỗ Anh Q trả cho Công ty TNHH H2 số tiền 600.000.000 đồng khoản nợ đến hạn của năm 2023 và 2024 mà Công ty H2 đã cam kết để trả cho Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh Đ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H2 về việc: Buộc ông Đỗ Anh Q phải chuyển nhượng cho Công ty TNHH H2 diện tích đất thuộc các thửa đất số 23, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408730; thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408731; thửa đất số 71, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408732 đứng tên ông Đỗ Anh Q.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H2 về việc: Buộc ông Đỗ Anh Q phải trả cho Công ty số tiền 307.397.099 đồng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 và yêu cầu ông Q chuyển nhượng cho Công ty TNHH H2 diện tích đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 52 theo GCNQSD đất số BT 408729.

4. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH H2 và ông Đỗ Anh Q mỗi bên phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc kỹ thuật là 16.400.000 đồng, mỗi bên chịu 8.200.000 đồng. Công ty TNHH H2 được khấu trừ trong số tiền tạm ứng đã nộp và được nhận lại số tiền 8.200.000 đồng sau khi thu được của ông Đỗ Anh Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH H2 phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.367.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000531 ngày 26/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Công ty TNHH H2 được trả lại 41.367.000 đồng.

Ông Đỗ Anh Q phải chịu 82.586.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Tuấn